



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH SÓC TRĂNG**
THÁNG 12 NĂM 2022

HÀ NỘI, THÁNG 12/2022

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vttcdbttn@monre.gov.vn

MỤC LỤC

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| I. LỜI GIỚI THIỆU | 3 |
| II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT 4 | 4 |
| 2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất | 4 |
| 2.1.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃) | 4 |
| 2.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung - thượng (qp ₂₋₃) | 5 |
| 2.1.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁) | 5 |
| 2.1.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²) | 6 |
| 2.1.5. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ¹) | 7 |
| 2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất..... | 9 |
| 2.2.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃) | 9 |
| 2.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃) | 10 |
| 2.2.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁) | 10 |
| 2.2.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²) | 11 |
| 2.2.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹) | 12 |
| 2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất | 13 |
| III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ | 13 |

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sóc Trăng được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về mực nước dưới đất tháng trước, đồng thời dự báo mực nước hai tháng tiếp theo và đưa ra những cảnh báo về nguy cơ hạ thấp mực nước dưới đất phục vụ công tác quản lý Nhà nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước trên phạm vi tỉnh.

Sóc Trăng là một tỉnh thuộc lưu vực sông Cửu Long có diện tích tự nhiên là 3.311,8km². Trong phạm vi tỉnh hiện nay có 22 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất được Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sóc Trăng gồm 5 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃), tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃), tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁), tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²) và tầng chứa nước Pliocene hạ (n₂¹). Theo dự án “Biên hội - thành lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:200.000 cho các tỉnh trên toàn quốc”, tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước như sau: tầng chứa nước qp₃ là 353.399m³/ngày, tầng chứa nước qp₂₋₃ là 719.017m³/ngày, tầng chứa nước qp₁ là 648.067m³/ngày, tầng chứa nước n₂² là 1.433.339m³/ngày, tầng chứa nước n₂¹ là 674.546m³/ngày.

Đề Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: qtnn@monre.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

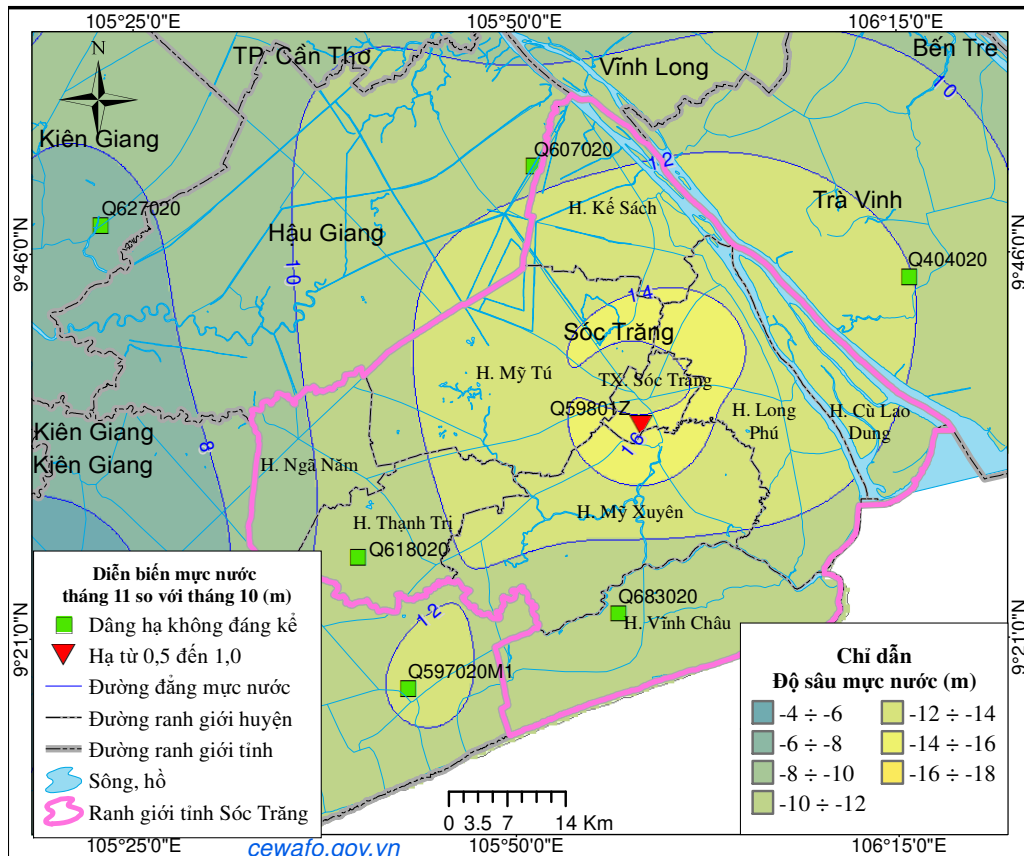
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

2.1.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không đáng kể so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,66m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59801Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -10,51m tại xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu (Q683020) và sâu nhất là -15,83m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59801Z).

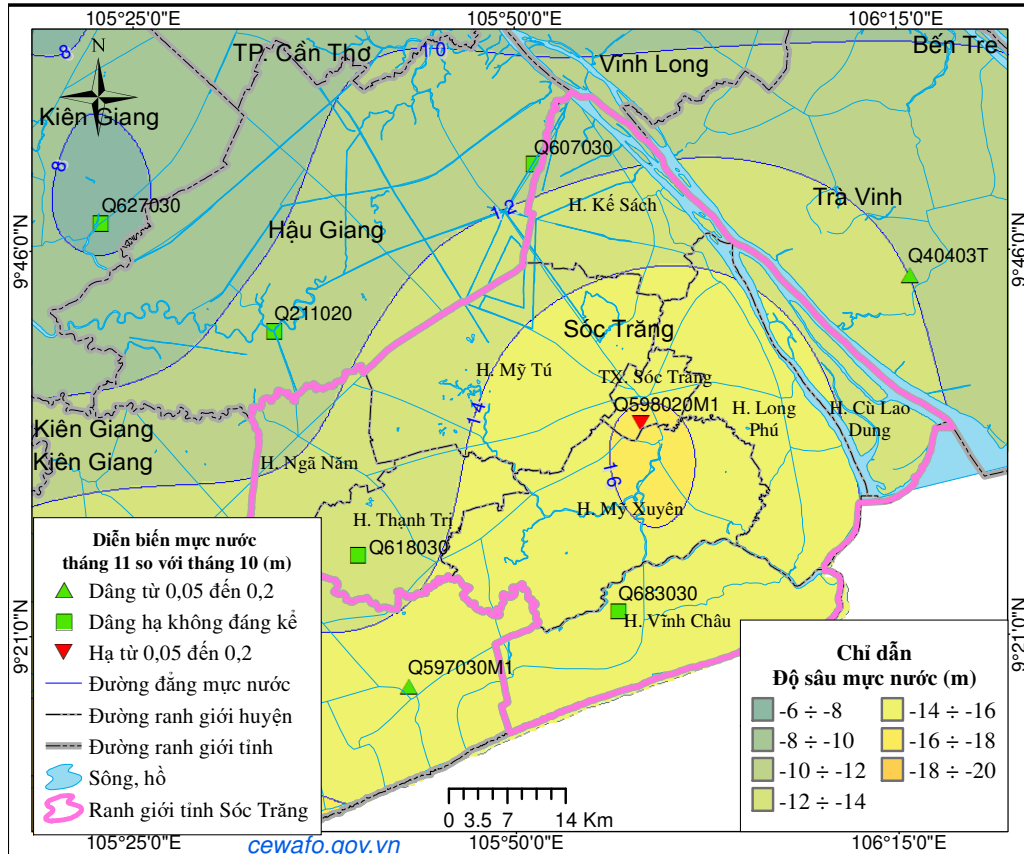


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₃

2.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung - thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không đáng kể so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,19m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598020M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -13,12m tại xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị (Q618030) và sâu nhất là -16,14m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598020M1).

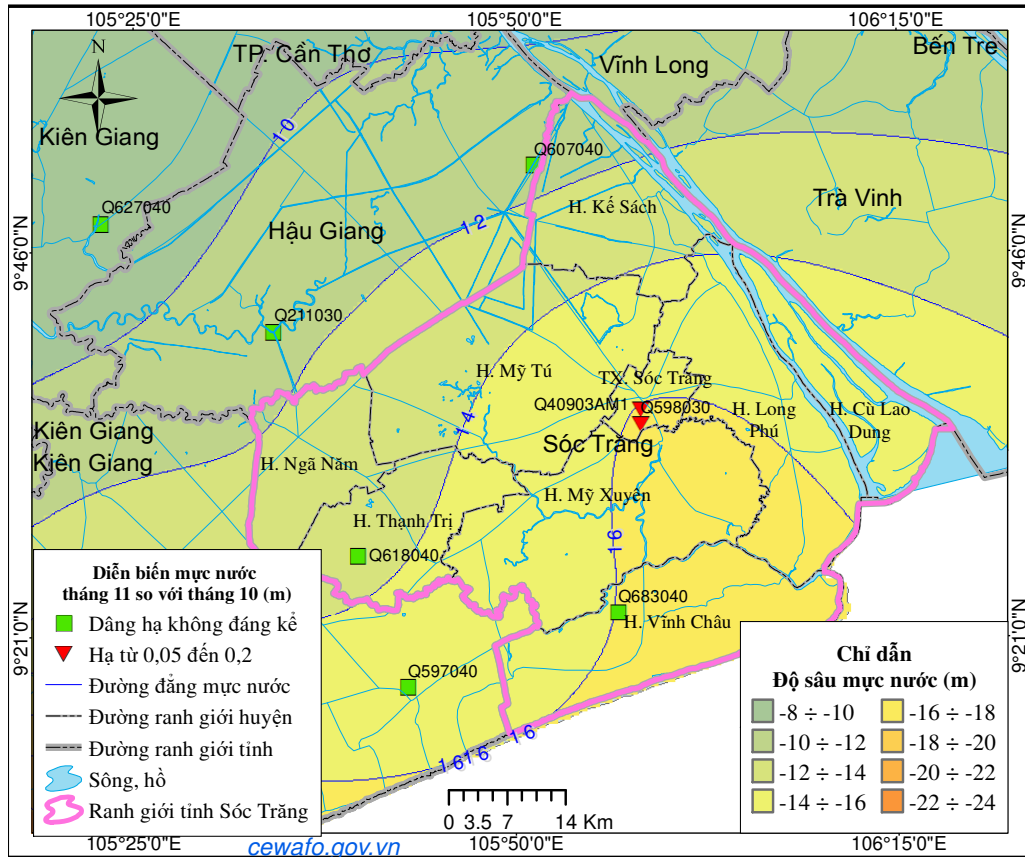


Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₂₋₃

2.1.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,14m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q40903AM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -13,49m tại xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị (Q618040) và sâu nhất là -16,1m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598030).

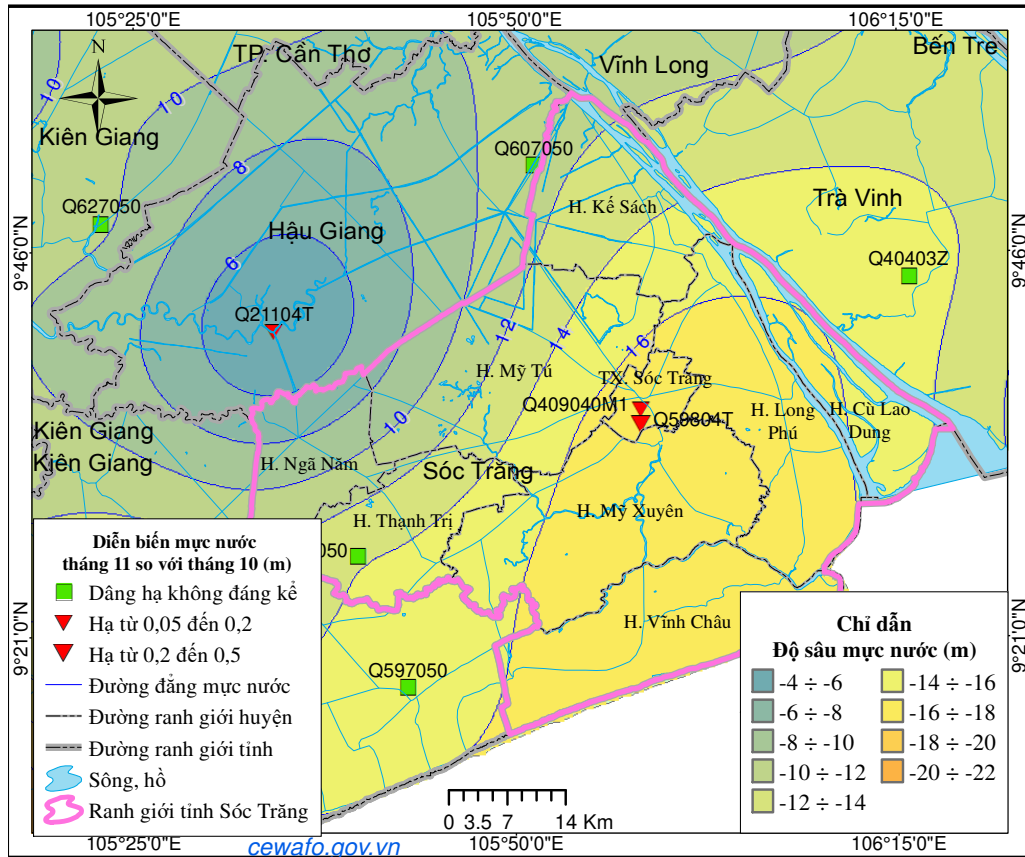


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng q₁

2.1.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,33m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -13,74m tại xã Châu Hưng, huyện Thanh Trì (Q618050) và sâu nhất là -17,52m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804T).

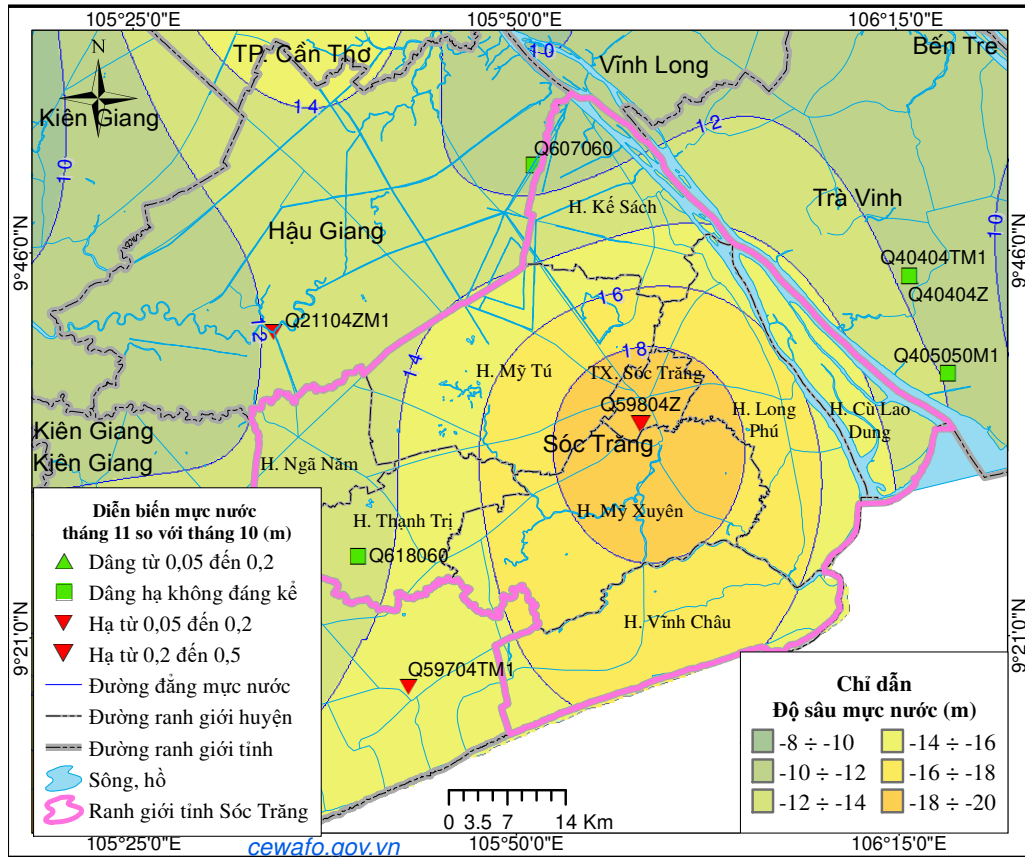


Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^2

2.1.5. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^1)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,35m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -13,49m tại xã Châu Hưng, huyện Thanh Trì (Q618060) và sâu nhất là -19,65m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804Z).



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^1

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng 11 (m)

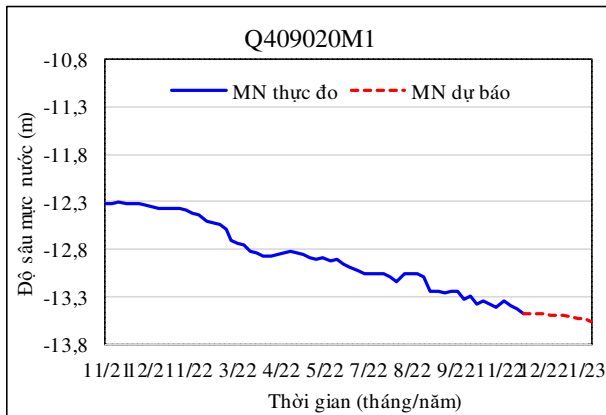
| STT | Công trình | Vị trí | Mực nước (m) | | |
|------------------------------------------------|------------|-------------------------------|--------------|----------|------------|
| | | | Nông nhất | Sâu nhất | Trung bình |
| I Tầng chứa nước qp_3 | | | | | |
| 1 | Q409020M1 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -13,33 | -13,48 | -13,40 |
| 2 | Q59801Z | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -14,37 | -16,90 | -15,76 |
| 3 | Q683020 | xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu | -10,44 | -10,56 | -10,51 |
| 4 | Q618020 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -10,88 | -10,98 | -10,93 |
| II Tầng chứa nước qp_{2-3} | | | | | |
| 1 | Q598020M1 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -16,06 | -16,19 | -16,13 |
| 2 | Q683030 | xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu | -15,67 | -15,77 | -15,72 |
| 3 | Q618030 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -13,00 | -13,23 | -13,12 |
| III Tầng chứa nước qp_1 | | | | | |
| 1 | Q40903AM1 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -15,98 | -16,09 | -16,03 |
| 2 | Q598030 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -16,03 | -16,18 | -16,09 |
| 3 | Q683040 | xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu | -15,99 | -16,04 | -16,01 |
| 4 | Q618040 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -13,47 | -13,50 | -13,49 |

| STT | Công trình | Vị trí | Mức nước (m) | | |
|-----------|-------------------------------------------------|-------------------------------|--------------|----------|------------|
| | | | Nông nhất | Sâu nhất | Trung bình |
| IV | Tầng chứa nước n₂² | | | | |
| 1 | Q409040M1 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -16,95 | -17,03 | -16,99 |
| 2 | Q59804T | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -17,47 | -17,55 | -17,51 |
| 3 | Q618050 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -13,72 | -13,74 | -13,74 |
| V | Tầng chứa nước n₂¹ | | | | |
| 1 | Q59804Z | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -19,61 | -19,68 | -19,65 |
| 2 | Q618060 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -13,49 | -13,51 | -13,49 |

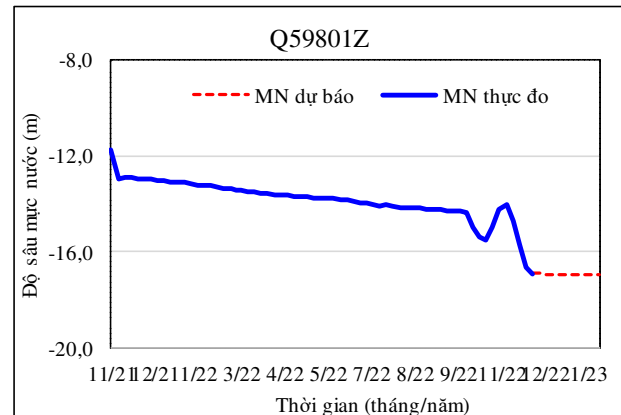
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

2.2.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

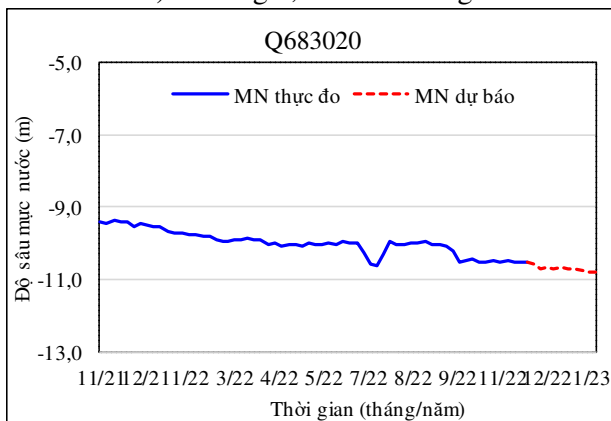
Trong tháng 12/2022 và tháng 1/2023 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



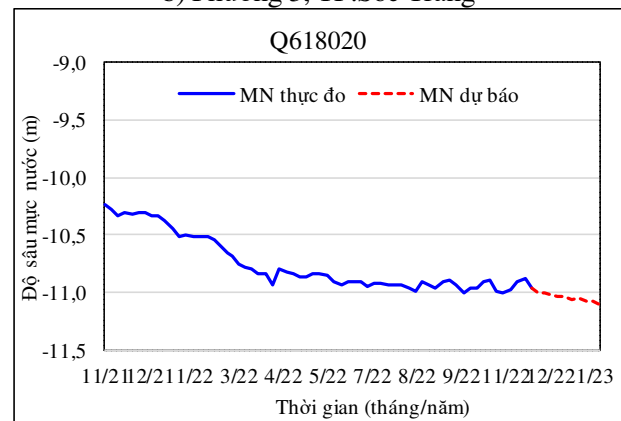
a) Phường 3, TP.Sóc Trăng



b) Phường 3, TP.Sóc Trăng



c) xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu

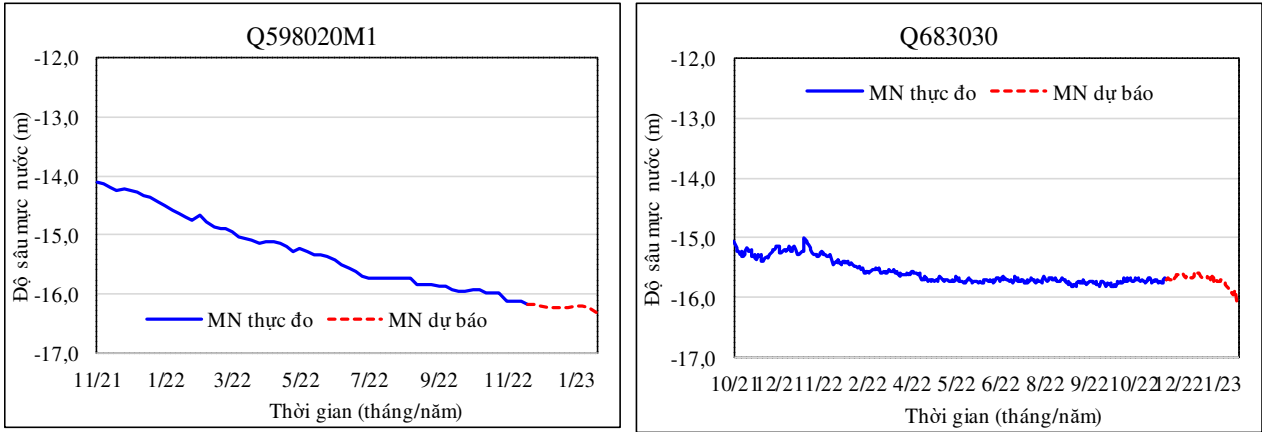


d) xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị

Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₃

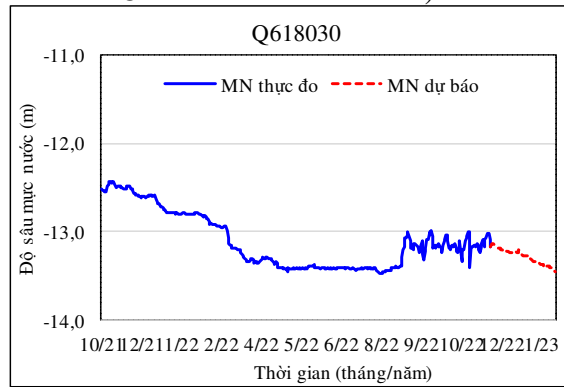
2.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong tháng 12/2022 và tháng 1/2023 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) Phường 3, TP.Sóc Trăng

b) xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu

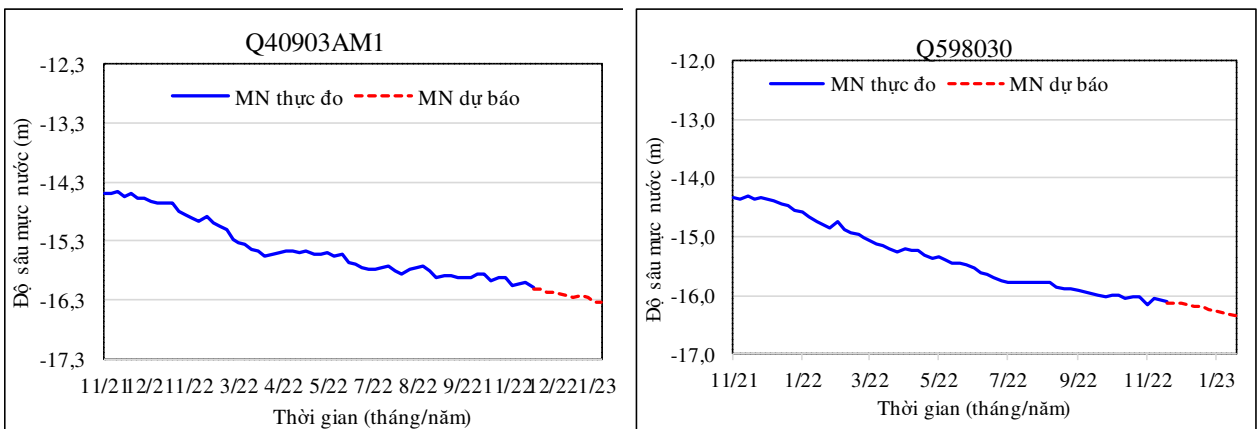


c) xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị

Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₁

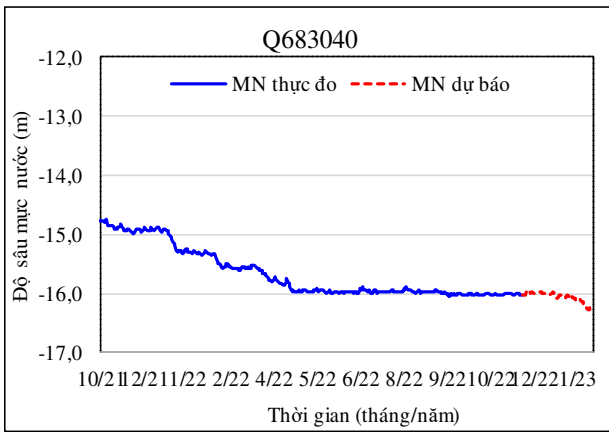
2.2.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Trong tháng 12/2022 và tháng 1/2023 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:

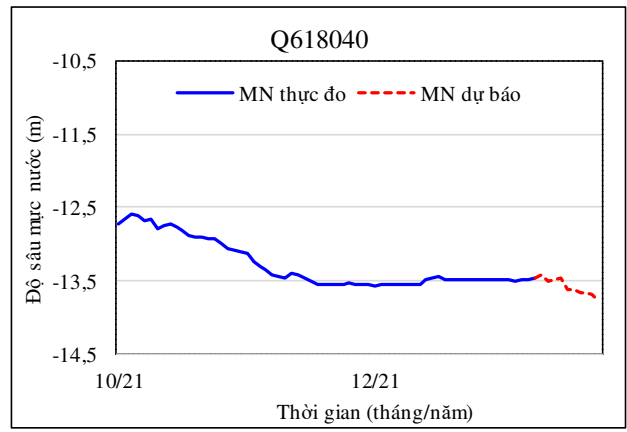


a) Phường 3, TP.Sóc Trăng

b) Phường 3, TP.Sóc Trăng



c) xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu

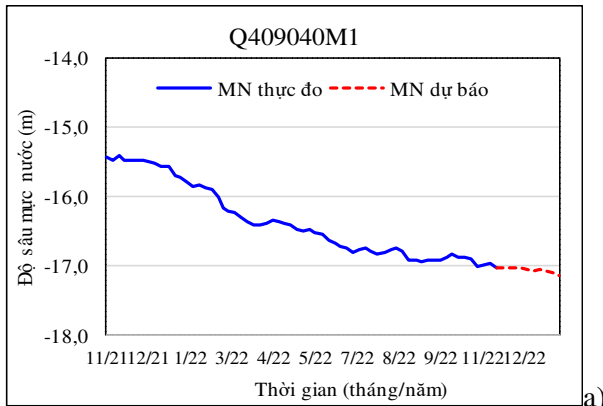


d) xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị

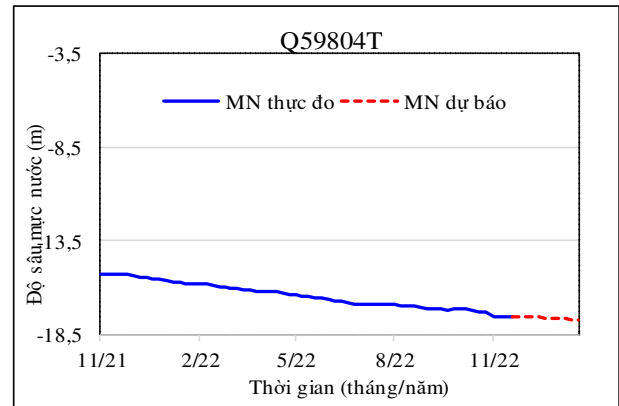
Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp_1

2.2.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

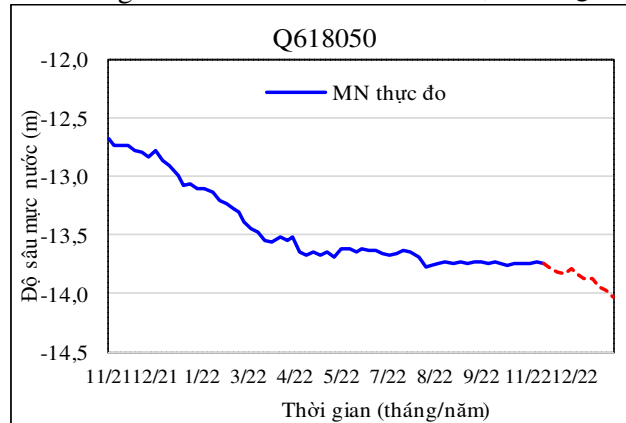
Trong tháng 12/2022 và tháng 1/2023 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) Phường 3, TP.Sóc Trăng



b) Phường 3, TP.Sóc Trăng

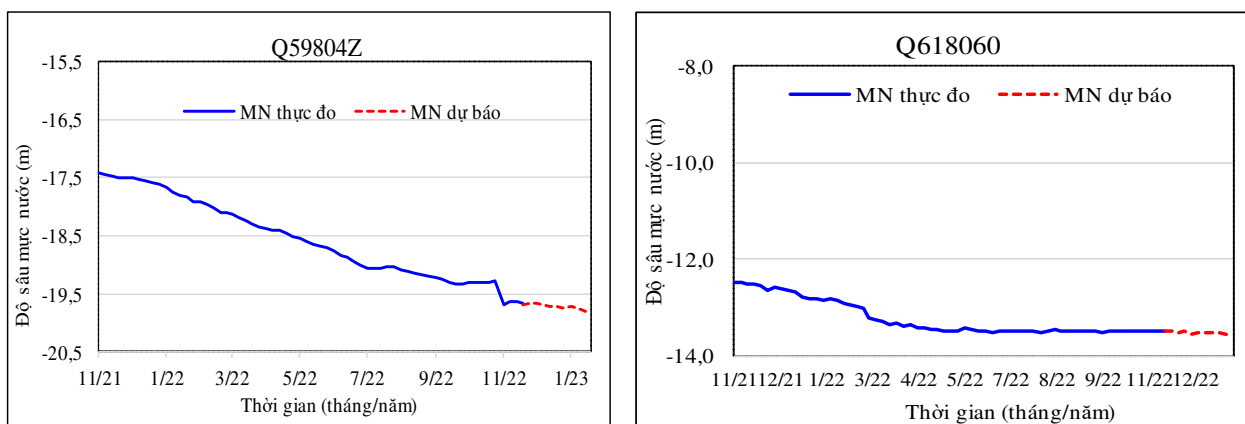


c) xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị

Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

2.2.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Trong tháng 12/2022 và tháng 1/2023 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) Phường 3, TP.Sóc Trăng

b) xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị

Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^1

Bảng 2. Tổng hợp mực nước dự báo (m)

| STT | Công trình | Vị trí | Mực nước dự báo (m) | | | Ngày xuất hiện MN sâu nhất |
|----------------------------------------------------|------------|-------------------------------|---------------------|----------|------------|----------------------------|
| | | | Nông nhất | Sâu nhất | Trung bình | |
| I Tầng chứa nước qp₃ | | | | | | |
| 1 | Q409020M1 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -13,47 | -13,50 | -13,48 | 24/12/2022 |
| 2 | Q59801Z | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -16,82 | -16,90 | -16,86 | 25/12/2022 |
| 3 | Q683020 | xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu | -10,63 | -10,71 | -10,67 | 26/12/2022 |
| 4 | Q618020 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -11,00 | -11,05 | -11,01 | 25/12/2022 |
| II Tầng chứa nước qp₂₋₃ | | | | | | |
| 1 | Q598020M1 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -16,17 | -16,24 | -16,21 | 12/12/2022 |
| 2 | Q683030 | xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu | -15,58 | -15,69 | -15,63 | 26/12/2022 |
| 3 | Q618030 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -13,19 | -13,28 | -13,22 | 26/12/2022 |
| III Tầng chứa nước qp₁ | | | | | | |
| 1 | Q40903AM1 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -16,11 | -16,23 | -16,18 | 24/12/2022 |
| 2 | Q598030 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -16,13 | -16,20 | -16,16 | 24/12/2022 |
| 3 | Q683040 | xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu | -15,97 | -16,07 | -16,00 | 26/12/2022 |
| 4 | Q618040 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -13,46 | -13,64 | -13,51 | 26/12/2022 |
| IV Tầng chứa nước n₂² | | | | | | |
| 1 | Q409040M1 | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -17,02 | -17,05 | -17,03 | 24/12/2022 |
| 2 | Q59804T | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -17,50 | -17,58 | -17,53 | 24/12/2022 |
| 3 | Q618050 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -13,70 | -13,77 | -13,72 | 26/12/2022 |
| V Tầng chứa nước n₂¹ | | | | | | |
| 1 | Q59804Z | Phường 3, TP.Sóc Trăng | -19,67 | -19,73 | -19,69 | 24/12/2022 |
| 2 | Q618060 | xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị | -13,58 | -13,67 | -13,62 | 26/12/2022 |

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Nghị định 167/2018/NĐ-CP về Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất, trong tình hình hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Theo Nghị định 167/2018/NĐ-CP về Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất, trong tình hình hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo; tuy nhiên cần tiếp tục theo dõi diễn biến mực nước để kịp thời có kế hoạch khai thác hợp lý.